ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG
Xây dựng bộ Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 938 /QĐ-UBND ngày 28 /5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

A. GIỚI THIỆU TÓM TẮT

1. Tên dự án: Xây dựng Bộ Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn.

2. Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

3. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng Lạng Sơn.

4. Cơ quan thẩm định: Sở Tài chính.

5. Thời gian thực hiện: 90 ngày.

6. Sản phẩm của dự án: Bộ Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn.

7. Kinh phí thực hiện: 419.000.000,0 đồng.

8. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh (nguồn ngân sách hàng năm).

9. Nội dung:

9.1. Bộ Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 21/01/2021. Ngày 09/02/2021 Chính phủ ban hành Nghị định số 10/2021/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; ngày 31/8/2021 Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 12/2021/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng, Thông tư số 11/2021/TT-BXD về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; ngày 29/12/2023 ban hành Thông tư số 14/2023/TT-BXD về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, theo đó:

- Hệ thống định mức để xây dựng Bộ Đơn giá tại Quyết định số 353/QĐ-UBND được áp dụng theo Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Đến nay, hệ thống định mức xây dựng tại Thông tư số 10/2019/TT-BXD đã được thay thế bằng hệ thống định mức xây dựng theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD, trong đó có thay đổi về định mức như thành phần hao phí vật liệu, nhân công và máy thi công,...

- Hệ thống giá xây dựng (giá vật tư và vật liệu xây dựng, giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng) để xác định Bộ Đơn giá xây dựng theo Quyết định số 353/QĐ-UBND:

+ Đơn giá nhân công xây dựng áp dụng để xây dựng Bộ Đơn giá tại Quyết định số 353/QĐ-UBND theo Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn. Hiện nay, thực hiện thẩm quyền theo

phân cấp tại Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn, Sở Xây dựng đã ban hành Quyết định số 20/QĐ-SXD ngày 15/01/2024 về công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2023 thay thế đơn giá nhân công xây dựng tại Quyết định số 2374/QĐ-UBND, trong đó đơn giá nhân công trung bình tăng khoảng 15%.

+ Đơn giá cá máy và thiết bị thi công áp dụng để xây dựng Bộ Đơn giá tại Quyết định số 353/QĐ-UBND theo Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn. Hiện nay, thực hiện thẩm quyền theo phân cấp tại Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn, Sở Xây dựng đã ban hành Quyết định số 21/QĐ-SXD ngày 15/01/2024 về công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2023 thay thế giá ca máy và thiết bị thi công tại Quyết định số 788/QĐ-UBND, trong đó một số máy và thiết bị chủ yếu có biến động đơn giá từ (-4,14% đến 5,19%).

+ Giá vật liệu xây dựng áp dụng để xây dựng Bộ Đơn giá tại Quyết định số 353/QĐ-UBND theo Công bố giá số 12/CBGVLXD-SXD ngày 31/12/2020 của Sở Xây dựng. Hiện nay, thực hiện thẩm quyền theo phân cấp tại Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn, Sở Xây dựng đã ban hành Công bố giá vật liệu xây dựng số 04/CBGVLXD-SXD ngày 10/4/2024 về công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn tại thời điểm tháng 02 năm 2024, trong đó giá một số loại vật liệu xây dựng chủ yếu (như: cát, đá, xi măng…) cơ bản đều tăng: cát vàng tăng 51%; đá xây dựng (1x2), (2x4), (4x6)cm tăng 3,66%; xi măng Đồng Bành tăng 32,8%.

Từ những nội dung trên, việc xây dựng điều chỉnh lại Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

9.2. Thẩm quyền, trách nhiệm công bố Bộ Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là UBND tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 31/8/2021 của Chính phủ.

9.3. Hình thức tổ chức xác định Bộ đơn giá xây dựng công trình: do khối lượng công việc lớn, đề xuất thực hiện theo hình thức thuê đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực thực hiện khảo sát, thu thập, tính toán, tổng hợp thông tin để xác định Bộ đơn giá xây dựng công trình.

9.4. Phương pháp xác định: được xác định trên cơ sở hệ thống định mức xây dựng theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng và giá các yếu tố chi phí (gồm: giá vật liệu xây dựng, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công) phù hợp với thời điểm xác định đơn giá xây dựng công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

9.5. Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 31/8/2021 của Chính phủ.

B. CƠ SỞ PHÁP LÝ.

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;Và một số văn bản khác có liên quan.

- Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021.

C. ĐỀ CƯƠNG, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG BỘ ĐƠN GIÁ.

1. Xác định hệ thống giá xây dựng

a) Xác định giá vật tư, vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh: khảo sát, thu thập giá các loại vật tư, vật liệu xây dựng và tham khảo, áp dụng giá vật tư, vật liệu xây dựng theo công bố giá vật liệu xây dựng hằng tháng của Sở Xây dựng để làm cơ sở đầu vào để tính toán, xác định Bộ Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn.

b) Xác định giá nhân công xây dựng: áp dụng Quyết định số 20/QĐ-SXD ngày 15/01/2024 của Sở Xây dựng Lạng Sơn về công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2023.

c) Xác định giá ca máy và thiết bị thi công: áp dụng Quyết định số 21/QĐ-SXD ngày 15/01/2024 của Sở Xây dựng Lạng Sơn về công bố đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2023; đồng thời khảo sát thu thập dữ liệu về giá nhiên liệu, giá điện làm cơ sở đầu vào để tính toán, xác định đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.

2. Xây dựng bộ Đơn giá:

2.1. Trên cơ sở định mức được Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, cần thiết xây dựng 5 bộ đơn giá xây dựng công trình, bao gồm:

- Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn - Phần khảo sát xây dựng

- Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn - Phần xây dựng

- Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn - Phần lắp đặt hệ thống kỹ thuật của công trình

- Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn - Phần thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn - Phần sửa chữa và bảo dưỡng công trình xây dựng

a) Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn - Phần khảo sát xây dựng

Trên cơ sở định mức ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 tiến hành xây dựng bộ đơn giá xây dựng công trình phần khảo sát xây dựng công trình trên địa bàn Lạng Sơn, gồm 10 chương như sau:

- Chương I: Công tác đào đất, đá bằng thủ công để lấy mẫu thí nghiệm

- Chương II: Công tác thăm dò địa vật lý

- Chương III: Công tác khoan

- Chương IV: Công tác đặt ống quan trắc mực nước ngầm trong hố khoan

- Chương V: Công tác thí nghiệm tại hiện trường

- Chương VI: Công tác đo vẽ lập lưới khống chế mặt bằng

- Chương VII: Công tác đo khống chế cao

- Chương VIII: Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình

- Chương IX: Công tác số hóa bản đồ

- Chương X: Công tác đo vẽ bản đồ

b) Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn - Phần xây dựng

Trên cơ sở định mức ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 tiến hành xây dựng bộ đơn giá xây dựng công trình phần xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh, gồm 13 chương như sau:

- Chương I: Công tác chuẩn bị mặt bằng xây dựng

- Chương II: Công tác thi công đất, đá, cát

- Chương III: Công tác thi công cọc

- Chương IV: Công tác thi công đường

- Chương V: Công tác xây gạch, đá

- Chương VI : Công tác thi công kết cấu bê tông

- Chương VII: Công tác bê tông đúc sẵn

- Chương VIII: Công tác gia công, lắp dựng cấu kiện gỗ

- Chương IX: Công tác gia công, lắp dựng cấu kiện sắt thép

- Chương X: Công tác hoàn thiện

- Chương XI: Các công tác khác

- Chương XII: Công tác bốc xếp, vận chuyển các loại vật liệu và cấu kiện xây dựng

- Chương XIII: Công tác xây dựng sử dụng tro xỉ nhiệt điện

c) Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn - Phần lắp đặt hệ thống kỹ thuật của công trình

Trên cơ sở định mức ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 tiến hành xây dựng bộ đơn giá phần lắp đặt hệ thống kỹ thuật của công trình trên địa bàn tỉnh, gồm các nội dung như sau:

- Chương I: Lắp đặt hệ thống điện trong công trình, hệ thống chiếu sáng công cộng

- Chương II: Lắp đặt các loại ống và phụ tùng

- Chương III: Bảo ôn đường ống, phụ tùng và thiết bị

- Chương IV: Công tác khác

d) Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn - Phần sửa chữa và bảo dưỡng công trình xây dựng

Trên cơ sở định mức ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 tiến hành xây dựng bộ đơn giá phần sửa chữa và bảo dưỡng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, gồm các nội dung như sau:

- Chương I: Công tác phá dỡ, tháo dỡ, làm sạch bộ phận, kết cấu công trình

- Chương II: Công tác sửa chữa, gia cố bộ phận, kết cấu công trình

- Chương III: Công tác sửa chữa công trình giao thông trong đô thị

- Chương IV: Công tác bảo dưỡng công trình giao thông trong đô thi

e) Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn - Phần thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Trên cơ sở định mức ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 tiến hành xây dựng bộ đơn giá phần thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, gồm các nội dung sau:

- Chương I : Thí nghiệm vật liệu xây dựng

- Chương II : Thí nghiệm cấu kiện, kết cấu và công trình xây dựng

- Chương III: Công tác thí nghiệm trong phòng phục vụ khảo sát xây dựng

2.2. Phương pháp xác định

Xác định giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn theo phương pháp xác định đơn giá xây dựng chi tiết được hướng dẫn tại Mục I Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

Đơn giá xây dựng chi tiết của công trình gồm đơn giá xây dựng chi tiết không đầy đủ và đơn giá xây dựng chi tiết đầy đủ, trên cơ sở định mức xây dựng và giá các yếu tố chi phí như sau:

2.2.1. Cơ sở xác định đơn giá xây dựng chi tiết

- Định mức xây dựng tương ứng với công tác cần xây dựng đơn giá;

- Giá vật liệu (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) đến hiện trường công trình;

- Giá nhân công xây dựng của công trình;

- Giá ca máy và thiết bị thi công của công trình (hoặc giá thuê máy và thiết bị thi công).

2.2.2. Xác định các thành phần chi phí trong đơn giá xây dựng chi tiết không đầy đủ

a) Xác định chi phí vật liệu (VL):

Chi phí vật liệu được xác định theo công thức:

$$VL = \sum_{i=1}^{n} \left(V_i \times G_i^{vl}\right) \times \left(1 + K^{vl}\right)$$

Trong đó:

- V_i: lượng hao phí vật liệu chủ yếu thứ i (i=1÷n) tính cho một đơn vị khối lượng công tác xây dựng trong định mức dự toán;

- G_i^{vl}: giá của một đơn vị vật liệu thứ i (i=1÷n) được xác định đảm bảo nguyên tắc:

+ Phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng vật liệu, yêu cầu sử dụng vật liệu của công trình, dự án;

+ Phù hợp với nhu cầu, kế hoạch dự kiến sử dụng vật liệu của công trình về tiến độ, khối lượng cung cấp; thời điểm lập, mặt bằng giá thị trường tại nơi xây dựng công trình và được tính đến hiện trường công trình theo hướng dẫn tại mục 1.2.1.2 Phụ lục này.

- K^{VL}: hệ số tính chi phí vật liệu khác (nếu có) so với tổng chi phí vật liệu chủ yếu xác định trong định mức dự toán.

+ Đối với các loại vật liệu có tại thị trường trong nước: Giá vật liệu được xác định theo công bố giá vật liệu của địa phương. Trường hợp giá vật liệu trong công bố giá vật liệu của địa phương không đảm bảo nguyên tắc trên hoặc vật liệu chưa có trong công bố giá thì giá vật liệu được xác định trên cơ sở: Lựa chọn mức giá phù hợp giữa các báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng vật liệu xây dựng (không áp dụng đối với các loại vật liệu lần đầu xuất hiện trên thị trường và chỉ có duy nhất trên thị trường Việt Nam) đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng vật liệu của công trình về tiến độ dự kiến, khối lượng cung cấp, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật của vật liệu; hoặc tham khảo giá của loại vật liệu xây dựng có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự đã được sử dụng ở công trình khác.

+ Đối với các loại vật liệu phải nhập khẩu: Giá các loại vật liệu phải nhập khẩu (theo yêu cầu của dự án được phê duyệt; hoặc theo quy định của nhà tài trợ đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi) được xác định trên cơ sở lựa chọn mức giá thấp nhất trong số các báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng vật liệu xây dựng bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng vật liệu của công trình về tiến độ dự kiến, khối lượng cung cấp, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng, xuất xứ hàng hóa và mặt bằng giá khu vực (không áp dụng đối với các loại vật liệu lần đầu xuất hiện trên thị trường và chỉ có duy nhất trên thị trường quốc tế). Giá vật liệu được quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm xác định giá xây dựng.

b) Xác định chi phí nhân công (NC)

Chi phí nhân công được xác định theo công thức:

$$NC = \sum_{i=1}^{n} (N_i \times G_i^{nc})$$

Trong đó:

- N_i: lượng hao phí lao động tính bằng ngày công trực tiếp theo cấp bậc của loại nhân công thứ i (i=1÷n) cho một đơn vị khối lượng công tác xây dựng xác định theo định mức dự toán;

- G_i^{nc}: đơn giá nhân công của loại nhân công thứ i (i=1÷n) được xác định theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Xác định chi phí máy thi công (MTC)

Chi phí máy thi công được xác định bằng công thức sau:

$$MTC = \sum_{j=1}^{m} (M_j \times G_j^{mtc}) \times (1 + K^{mtc})$$

Trong đó:

- M_j: lượng hao phí ca máy của loại máy, thiết bị thi công chính thứ j (j=1÷m) tính cho một đơn vị khối lượng công tác xây dựng xác định theo định mức dự toán;

- G_j^{mtc}: giá ca máy của loại máy, thiết bị thi công chính thứ j (j=1÷m) theo bảng giá ca máy và thiết bị thi công của công trình xác định theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- K^{mtc}: hệ số tính chi phí máy khác (nếu có) so với tổng chi phí máy, thiết bị thi công chủ yếu xác định trong định mức dự toán.

d) Tổng hợp đơn giá xây dựng chi tiết không đầy đủ của công trình theo hướng dẫn tại Bảng dưới đây:

TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CHI TIẾT KHÔNG ĐẦY ĐỦ

Dự án: ……..……

Công trình: ……

Đơn vị tính: ...

TÊN	MÃ	MÃ HIỆU	THÀNH	ĐƠN	KHỐI	ĐƠN	THÀNH

CÔNG TÁC	HIỆU ĐƠN GIÁ	VL, NC, M	PHẦN HAO PHÍ	VỊ TÍNH	LƯỢNG	GIÁ	TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
Công tác xây dựng thứ 1	**DG.1**		**Chi phí VL**	**VL**			
		V.1					
		V.2					
		...					
			Cộng				
			Chi phí NC	**NC**			
		NC.1		công			
		NC.2		công			
		…					
			Cộng				
			Chi phí MTC	**MTC**			
		M.1		ca			
		M.2		ca			
			Cộng				
	DG.2	**…**					

Ghi chú: Đối với các đơn giá xác định trên cơ sở định mức dự toán xây dựng trong hệ thống định mức xây dựng do cơ quan có thẩm quyền ban hành, thì mã hiệu đơn giá được thể hiện phải đảm bảo đồng bộ, thống nhất với mã hiệu định mức trong hệ thống định mức xây dựng được ban hành.

2.2.3. Xác định đơn giá xây dựng chi tiết đầy đủ của công trình

Đơn giá xây dựng chi tiết đầy đủ bao gồm chi phí trực tiếp, các chi phí gián tiếp, thu nhập chịu thuế tính trước. Các chi phí trong đơn giá xây dựng chi tiết đầy đủ được xác định như sau:

a) Chi phí trực tiếp gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công và chi phí máy thi công được xác định theo hướng dẫn tại mục 1.2 Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

b) Chi phí gián tiếp được xác định theo hướng dẫn tại mục II Phụ lục III Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

c) Thu nhập chịu thuế tính trước được xác định theo hướng dẫn tại mục III Phụ lục III Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng

2.3. Nội dung

Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn là chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tổng hợp bao gồm toàn bộ chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công và máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng như 1m3 tường gạch, 1m2 lát gạch, 1tấn cốt thép, 100m dài cọc,… từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc công tác xây dựng (kể cả những hao phí cần thiết do yêu cầu kỹ thuật

và tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo thi công xây dựng liên tục, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật)

D. YÊU CẦU VỀ SẢN PHẨM.

1. Số lượng in ấn, đóng quyển, gồm:

- Phần khảo sát: 20 quyển.
- Phần xây dựng: 20 quyển.
- Phần lắp đặt hệ thống kỹ thuật của công trình: 20 quyển.
- Phần sửa chữa: 20 quyển.
- Phần thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: 20 quyển.

2. Mục đích phục vụ cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh (Cấp tỉnh và cấp huyện).

3. Hình thức công bố: Sở Xây dựng thực hiện nhiệm vụ phát hành tài liệu, công bố số liệu về Bộ Đơn giá trên trang thông tin điện tử để các tổ chức, cá nhân có thể cập nhật và áp dụng.

E. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN.

Thời gian thực hiện: 90 ngày

G. DỰ TOÁN CHI TIẾT CHI PHÍ XÂY DỰNG BỘ ĐƠN GIÁ

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nội dung chi phí	Diễn giải	Giá trị	Ký hiệu
1	Chi phí chuyên gia	(Bảng 1)	226.000.000	Ccg
2	Chi phí quản lý	55%*Ccg	124.300.000	Cql
3	Chi phí khác	(Bảng 2)	18.000.000	Ck
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	6%*(Ccg+Cql)	21.018.000	TN
5	Thuế giá trị gia tăng	8%*(Ccg+Cql+Ck+TN)	29.705.440	VAT
	Tổng	Ccg+Cql+Ck+TN+VAT	419.023.440	Ctv
Làm tròn			419.000.000	

(có Dự toán chi tiết kèm theo)